

Bản án số: 155/2024/DS-ST
Ngày 26/7/2024
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN N – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Thanh Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Trần Nguyệt Mai

2/ Ông Đoàn Hồng Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Cẩm Vân – Thư ký Tòa án nhân dân Quận N

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận N tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Phương – Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 7 năm 2024, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 114/2023/TLST-DS ngày 23 tháng 5 năm 2023 về “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 143/2024/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 108/2024/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần A (Ngân hàng A)

Trụ sở: 442 đường K, Phường N, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo pháp luật: Ông Từ Tiên P – Chức vụ: Tổng Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Huy H, sinh năm 1999 (xin vắng mặt)

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1965 (vắng mặt)

Địa chỉ: 155/4 đường D, Phường M, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 18 tháng 4 năm 2023 và quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – Ông Phạm Huy H trình bày:

Ngày 06/4/2011, Ngân hàng Thương mại cổ phần A (gọi tắt là Ngân hàng Ngân hàng A) và bà Nguyễn Thị Kim L có ký Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng

(gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 06/4/2011 và Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Á Châu) như sau: Thẻ Visa vàng số thẻ 4791 3925 7010 1416 với hạn mức sử dụng là 50.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất trong hạn 27%/năm (áp dụng từ lúc mở thẻ đến trước ngày 12/6/2017) và lãi suất trong hạn 29%/năm (áp dụng từ sau ngày 12/6/2017 đến nay), lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, bà Nguyễn Thị Kim L đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 93.500.000 đồng. Từ ngày kích hoạt thẻ cho đến nay bà Nguyễn Thị Kim L đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền là 62.374.191 đồng. Tổng số tiền thanh toán được áp dụng theo Điều 9 của bản Điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP A.

Do bà Nguyễn Thị Kim L đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, ngày 11/12/2012, Ngân hàng đã chuyển khoản nợ sang nợ quá hạn, đồng thời quyết định chấm dứt việc sử dụng thẻ, thu hồi toàn bộ nợ thẻ chưa thanh toán của bà Nguyễn Thị Kim L và áp dụng lãi suất nợ quá hạn là 150% của lãi suất trong hạn, dư nợ tại thời điểm chuyển nợ quá hạn là 52.258.179 đồng.

Tính đến ngày 26/7/2024, bà Nguyễn Thị Kim L còn nợ Ngân hàng các khoản sau:

- Dư nợ gốc: 52.258.179 đồng
- Lãi quá hạn: 257.568.271 đồng
- Tổng cộng: 309.826.450 đồng

(Bằng chữ: Ba trăm lẻ chín triệu tám trăm hai mươi sáu nghìn bốn trăm năm mươi đồng)

Ngân hàng đề nghị Tòa án xem xét:

- Buộc bà Nguyễn Thị Kim L phải trả ngay cho Ngân hàng tổng dư nợ còn thiếu tạm tính đến ngày 26/7/2024 là 309.826.450 đồng (*Bằng chữ: Ba trăm lẻ chín triệu tám trăm hai mươi sáu nghìn bốn trăm năm mươi đồng*), trong đó dư nợ gốc là 52.258.179 đồng và lãi quá hạn là 257.568.271 đồng.

- Bà Nguyễn Thị Kim L còn có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất quá hạn do các bên đã thỏa thuận tính kể từ ngày 27/7/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân Quận N đã tổng đạt hợp lệ cho bị đơn là bà Nguyễn Thị Kim L các văn bản tố tụng nhưng bà Nguyễn Thị Kim L vắng mặt, không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như phiên tòa xét xử vụ án nên Tòa án không thu thập được lời khai của bà Nguyễn Thị Kim L.

Tại phiên tòa ngày 26 tháng 7 năm 2024:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận N phát biểu:

+ Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đúng

thẩm quyền, thời hiệu, quan hệ pháp luật tranh chấp. Những người tham gia tố tụng được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình, tiến hành việc thu thập chứng cứ theo đúng quy định của pháp luật.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng TMCP A (Ngân hàng A). Buộc bà Nguyễn Thị Kim L phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 26/7/2024 là 309.826.450 đồng (*Bằng chữ: Ba trăm lẻ chín triệu tám trăm hai mươi sáu nghìn bốn trăm năm mươi đồng*), trong đó dư nợ gốc là 52.258.179 đồng và lãi quá hạn là 257.568.271 đồng. Ngoài ra, bà Nguyễn Thị Kim L còn có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất quá hạn do các bên đã thỏa thuận tính kể từ ngày 27/7/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay. Về án phí, bị đơn là bà Nguyễn Thị Kim L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho bên nguyên đơn là Ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng TMCP A (Ngân hàng A) có người đại diện theo ủy quyền là ông Phạm Huy H (sau đây gọi tắt là bên nguyên đơn) yêu cầu bà Nguyễn Thị Kim L (sau đây gọi tắt là Bên bị đơn) phải thanh toán ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 26/7/2024 là 309.826.450 đồng (*Bằng chữ: Ba trăm lẻ chín triệu tám trăm hai mươi sáu nghìn bốn trăm năm mươi đồng*), trong đó dư nợ gốc là 52.258.179 đồng và lãi quá hạn là 257.568.271 đồng. Như vậy, quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bên bị đơn có địa chỉ ở số 155/4 đường D, Phường M, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh nên Tòa án nhân dân Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho bị đơn. Tuy nhiên bị đơn là bà Nguyễn Thị Kim L vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là bà Nguyễn Thị Kim L.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng được ký kết giữa Ngân hàng TMCP A (Ngân hàng A) và bà Nguyễn Thị Kim L được các bên ký kết hoàn toàn tự nguyện. Nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm, không trái quy định của pháp luật, tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về nội dung và hình thức hợp đồng. Do đó hợp đồng các bên đã ký kết là hợp pháp, có hiệu lực đối với hai bên và cần được pháp luật bảo vệ. Trong quá trình thực hiện hợp đồng

nêu trên, nguyên đơn là Ngân hàng đã hoàn thành đầy đủ nghĩa vụ. Tuy nhiên, về phía bị đơn là bà Nguyễn Thị Kim L đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng mà hai bên đã ký kết. Bà Nguyễn Thị Kim L còn nợ Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 26/7/2024 là 309.826.450 đồng (*Bằng chữ: Ba trăm lẻ chín triệu tám trăm hai mươi sáu nghìn bốn trăm năm mươi đồng*). Cho nên, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Kim L phải trả nợ gốc và lãi phát sinh là có căn cứ.

Do đó, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP A (Ngân hàng A) khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Kim L thanh toán tổng số tiền tạm tính đến ngày 26/7/2024 là 309.826.450 đồng (*Bằng chữ: Ba trăm lẻ chín triệu tám trăm hai mươi sáu nghìn bốn trăm năm mươi đồng*), trong đó dư nợ gốc là 52.258.179 đồng là hoàn toàn có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về lãi suất:

Căn cứ theo quy định tại Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng A thì “*Mức lãi suất, phí và cách tính lãi, phí được quy định chi tiết tại Biểu lãi suất và phí do Ngân hàng A phát hành trong từng thời kỳ. Biểu lãi suất và phí là một phần không tách rời của Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng. Ngân hàng A có thể thay đổi Biểu lãi suất và phí trong quá trình sử dụng thẻ của Chủ thẻ*”.

Căn cứ vào Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng được ký kết giữa Ngân hàng TMCP A (Ngân hàng A) và bà Nguyễn Thị Kim L cung cấp, đối chiếu với thời điểm vay thẻ hiện mức lãi suất trong hạn là 25,8%/năm (tính theo số tiền vay ban đầu) áp dụng cho hợp đồng tín dụng đối với bà L là đúng quy định pháp luật.

Quá trình thanh toán bà Nguyễn Thị Kim L: kể từ ngày cấp thẻ đến trước ngày chuyển nợ quá hạn (11/12/2020) bà L không thanh toán, kể từ ngày chuyển nợ quá hạn đến nay cũng không thanh toán. Do đó căn cứ Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng A có quy định « *Ngày đến hạn thanh toán* » là ngày thanh toán số tiền thanh toán tối thiểu của kỳ thứ tư liên tiếp mà Chủ thẻ không thanh toán đủ hoặc không thanh toán » và « *Ngay sau ngày đến hạn thanh toán mà Chủ thẻ không thanh toán toàn bộ số tiền thanh toán tối thiểu thì Ngân hàng A sẽ chuyển toàn bộ số dư nợ sang nợ quá hạn....Sau khi chuyển nợ quá hạn, Ngân hàng A có quyền chấm dứt việc sử dụng thẻ của chủ thẻ và thực hiện các biện pháp theo quy định của pháp luật và quy định của Ngân hàng A để thu hồi nợ (bao gồm : số dư nợ, lãi trong hạn, lãi quá hạn, phí và các khoản phải trả khác)* »

Căn cứ bản Tóm tắt sao kê ngày 26/7/2024 của Ngân hàng Ngân hàng A cung cấp cho thấy ngày 11/12/2012 Ngân hàng Ngân hàng A đã chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn với dư nợ tại thời điểm này là 52.258.179 đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn là 150% của lãi suất trong hạn. Như vậy, lãi quá hạn của bà L được Ngân hàng Ngân hàng A tính cụ thể :

- Lãi suất trong hạn: 25,8%/năm, áp dụng từ ngày cấp thẻ tín dụng 06/4/2011 đến trước ngày chuyển nợ quá hạn ngày 11/12/2012.

- Lãi suất trong hạn: 29%/năm, áp dụng từ ngày 11/12/2012 đến trước ngày 13/7/2023

- Lãi suất trong hạn: 32%/năm, áp dụng từ ngày cấp thẻ tín dụng 13/7/2023 đến nay.

- Lãi suất quá hạn: $150\% \times 29\%/năm = 43,5\%/năm$ (lãi quá hạn 43,5 %/năm áp dụng từ ngày chuyển nợ quá hạn 11/12/2012 đến ngày 13/7/2023);

- Lãi suất quá hạn: $150\% \times 32\%/năm = 48\%/năm$ (Lãi quá hạn từ ngày 13/7/2023 đến nay).

Tổng cộng tiền lãi quá hạn bà L phải trả tính từ ngày chuyển nợ quá hạn là ngày 11/12/2012 đến nay, số tiền là 257.568.271 đồng là có cơ sở chấp nhận. Bà Nguyễn Thị Kim L còn có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất quá hạn do các bên đã thỏa thuận tính kể từ ngày 27/7/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay.

[2.3] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn là bà Nguyễn Thị Kim L nhưng bà Nguyễn Thị Kim L vẫn không đến tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tham gia phiên tòa xét xử vụ án là đã từ bỏ quyền, nghĩa vụ của mình. Bị đơn là bà Nguyễn Thị Kim L có nghĩa vụ đưa ra các tài liệu, chứng cứ để chứng minh quyền, lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm nhưng lại không đưa ra chứng cứ thì Tòa án sẽ giải quyết vụ án dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án là đúng quy định tại khoản 2, khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.4] Từ các nhận định trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng Ngân hàng A đối với khoản nợ theo Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 06/4/2011 và Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Á Châu) của bà L với tổng số tiền (tạm tính đến ngày 26/7/2024) là 309.826.450 đồng (Bằng chữ: Ba trăm lẻ chín triệu tám trăm hai mươi sáu nghìn bốn trăm năm mươi đồng), trong đó bao gồm nợ gốc là 52.258.179 đồng, lãi quá hạn là 257.568.271 đồng. Bà Nguyễn Thị Kim L còn có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất quá hạn do các bên đã thỏa thuận tính kể từ ngày 27/7/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay.

[2.5] Về thời hạn thanh toán: Từ tháng 12 năm 2018, bà L đã không thanh toán bất kì khoản tiền nào cho Ngân hàng Ngân hàng A, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của Ngân hàng Ngân hàng A. Do vậy, cần buộc bà L thanh toán các khoản nợ một lần cho Ngân hàng Ngân hàng A sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[3] Về án phí, lệ phí sơ thẩm:

Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng nên bị đơn là bà Nguyễn Thị Kim L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng TMCP A (Ngân hàng A).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 68, 144, 147, 184, 227, 228, 235, 266, 271, 273, 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Ngân hàng Thương mại cổ phần A (gọi tắt là Ngân hàng Ngân hàng A).

[1.1] Buộc bà Nguyễn Thị Kim L phải trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A tổng số tiền là 309.826.450 đồng (*Bằng chữ: Ba trăm lẻ chín triệu tám trăm hai mươi sáu nghìn bốn trăm năm mươi đồng*), trong đó bao gồm nợ gốc là 52.258.179 đồng (*Bằng chữ: Năm mươi hai triệu hai trăm năm mươi tám nghìn một trăm bảy mươi chín đồng*), lãi quá hạn là 257.568.271 đồng (*Bằng chữ: Hai trăm năm mươi bảy triệu năm trăm sáu mươi tám nghìn hai trăm bảy mươi một đồng*) theo Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 06/4/2011 và Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Á Châu) của Ngân hàng Thương mại cổ phần A và bà Nguyễn Thị Kim L ký kết ngày 06/4/2011.

Việc giao nhận tiền do hai bên tự thực hiện hoặc tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

[1.2] Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

[2.1] Bà Nguyễn Thị Kim L phải chịu án phí là 15.491.323 đồng (*Bằng chữ: Mười lăm triệu bốn trăm chín mươi một nghìn ba trăm hai mươi ba đồng*).

[2.2] Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A (Ngân hàng A) số tiền 6.933.053 đồng (*Bằng chữ: Sáu triệu chín trăm ba mươi ba nghìn không trăm năm mươi ba đồng*) theo Biên lai thu tiền án phí, lệ phí Tòa

án số AA/2021/0010650 ngày 23 tháng 5 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị:

Ngân hàng Thương mại cổ phần A và bà Nguyễn Thị Kim L vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP.HCM;
- VKSND Q.N;
- Chi Cục THADS Q.N, TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Thanh Trang